

TÌNH HÌNH THƯƠNG MẠI CỦA VIỆT NAM SAU 5 NĂM GIA NHẬP WTO

Nguyễn Anh Dương
Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

Hà Nội, tháng 4/2013

Nội dung trình bày

- Giới thiệu
- Cam kết thương mại trong WTO và FTA;
- Tình hình XNK;
- Tình hình thương mại trong nước;
- Bài học;
- Bối cảnh và định hướng chính sách.

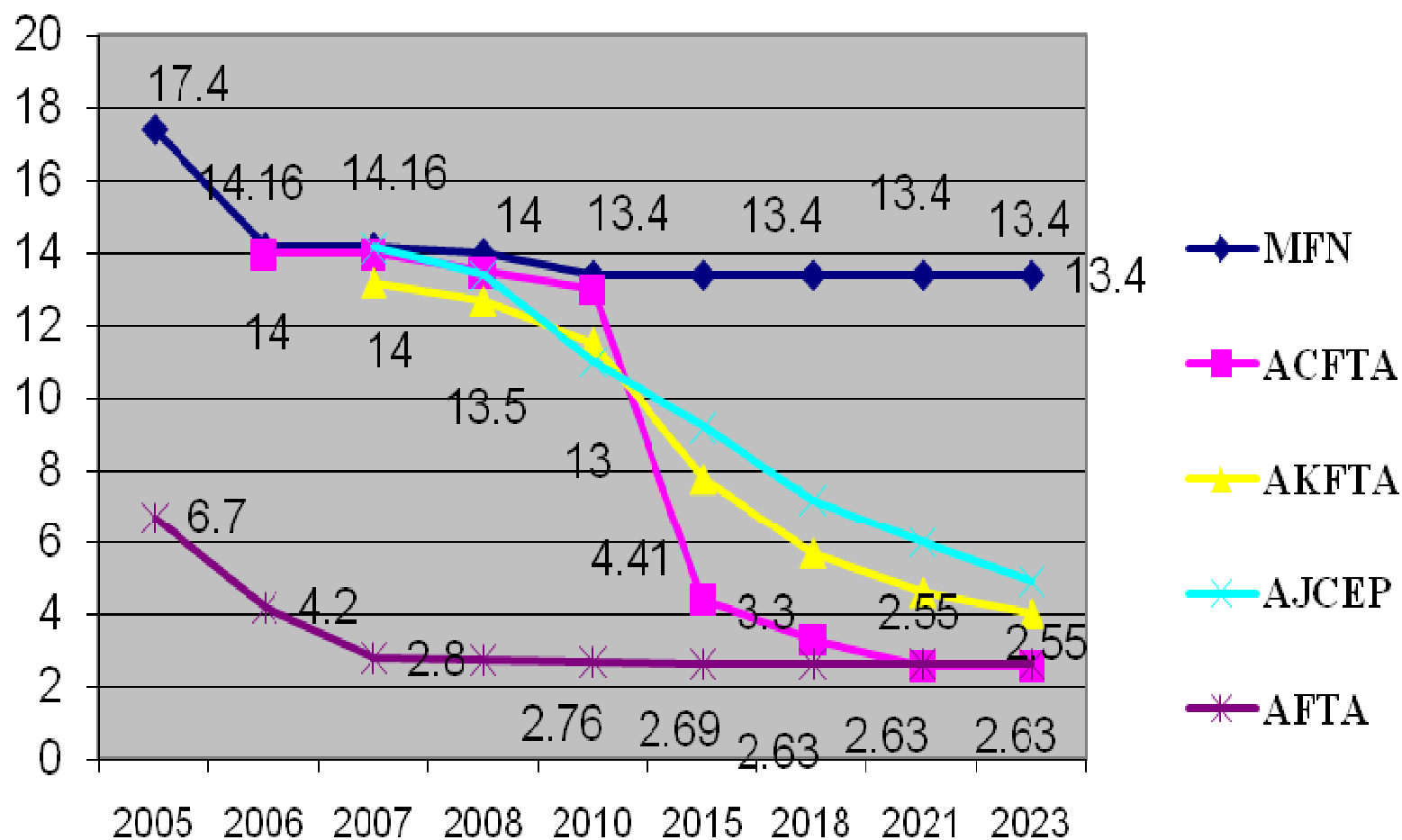


Giới thiệu

- “Mở cửa” và HNKTQT đã trở thành tất yếu, có quan hệ hữu cơ với cải cách trong nước.
- Cùng với HNKTQT, thương mại (XNK và thương mại trong nước) có đóng góp quan trọng đối với phát triển KT-XH, nhất là từ năm 2000.
- Cơ hội từ HNKTQT đi kèm với thách thức trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh xuất khẩu và chuyển hóa nhập khẩu thành năng lực sản xuất trong nước.
- Bối cảnh kinh tế thế giới từ năm 2007 có nhiều diễn biến khó lường (khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế, khủng hoảng nợ công châu Âu, v.v.) + khó khăn kinh tế trong nước đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động thương mại.

Cam kết thương mại trong WTO và FTA

Tốc độ cắt giảm thuế của Việt Nam trong một số FTA



- Cam kết dịch vụ trong WTO: 11 lĩnh vực dịch vụ với 110 phân ngành/155 phân ngành (rộng hơn so với các FTA đã ký).
- Cam kết trong các lĩnh vực khác: quyền kinh doanh, đầu tư, v.v.
- Các FTA cơ hội lớn tiếp cận thị trường, xuất khẩu và thu hút đầu tư (nhất là các đối tác thương tự do hóa nhanh hơn hoặc có ưu đãi hơn)
→ khả năng tận dụng? (thuận lợi hóa thương mại; đáp ứng ROO, TBT, việc liên kết mạng phân phối cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp)
- Áp lực cạnh tranh sẽ ngày càng gia tăng đối với doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là giai đoạn từ 2015 (Khi đó, ERP sẽ giảm rất đáng kể) → ứng phó của doanh nghiệp và vai trò hỗ trợ/kiến tạo của Chính phủ



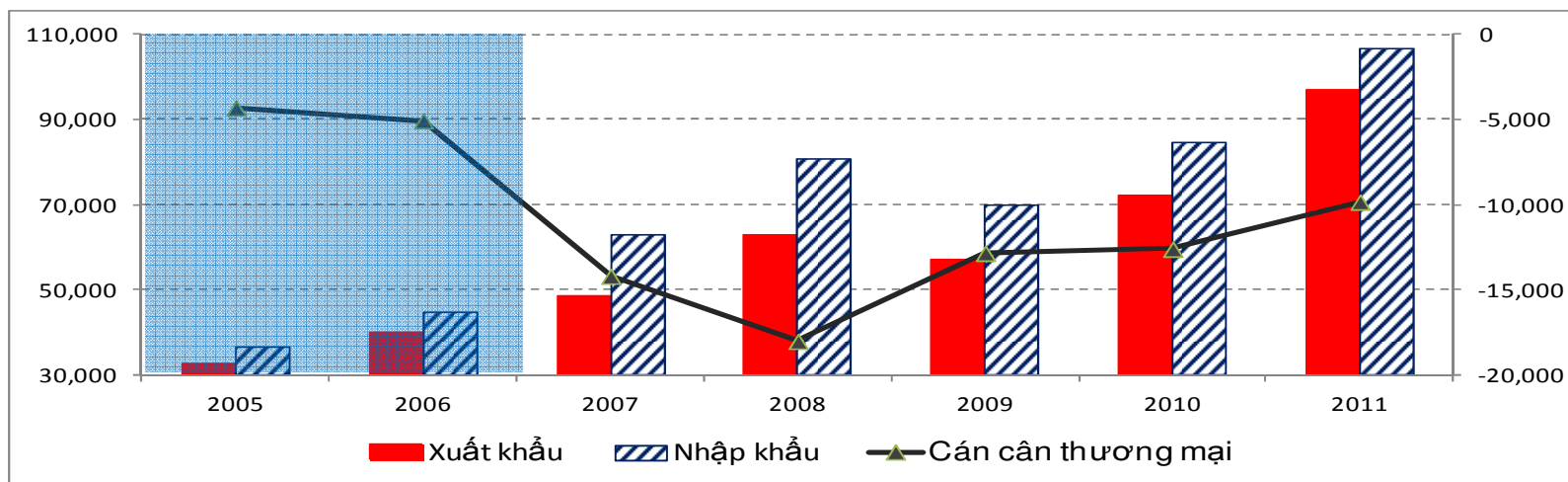
Tình hình XNK

- XK và NK tiếp tục tăng trong 2007-2008, chỉ giảm vào năm 2009 trước khi tăng trở lại từ năm 2010.
- XK: 2006: 39,6 tỷ USD; 2011: 96,9 tỷ USD (trung bình: 19,5%/năm); so với GDP: tăng từ 65,2% lên 79,0%;
 - Tăng trưởng XK chủ yếu do tăng trưởng thương mại toàn cầu; và (ii) tự do hóa và cải thiện khả năng cạnh tranh, trong khi việc gia nhập WTO không có tác động đáng kể. Phá giá danh nghĩa không giúp tăng XK.
 - XK có tập trung hơn vào một số thị trường tương đối mới (TQ+HQ, do FTA khu vực), bên cạnh các thị trường truyền thống (ASEAN, Mỹ, EU, Nhật) → đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các đối tác, song thị trường XK còn chưa đa dạng.

- Cơ cấu XK khá giống với cơ cấu xuất khẩu của TQ và ASEAN.
- Tỷ trọng hàng tiêu dùng và hàng trung gian tăng, trong khi tỷ trọng dầu thô giảm. Dù vậy, lợi thế vẫn tập trung ở các nhóm hàng sử dụng tài nguyên khoáng sản, dựa vào nông nghiệp và các ngành chế biến thâm dụng lao động.

Kim ngạch xuất, nhập khẩu và nhập siêu giai đoạn 2005-2011

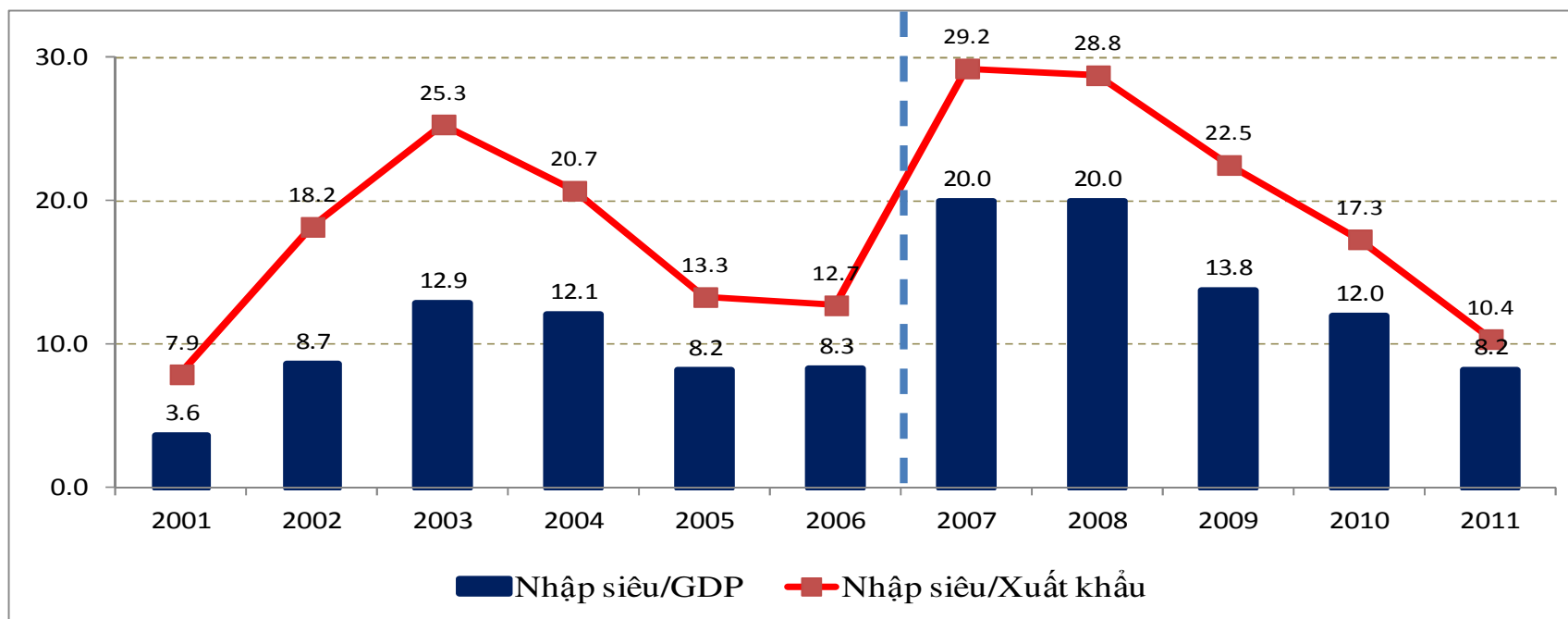
Đơn vị tính: triệu USD



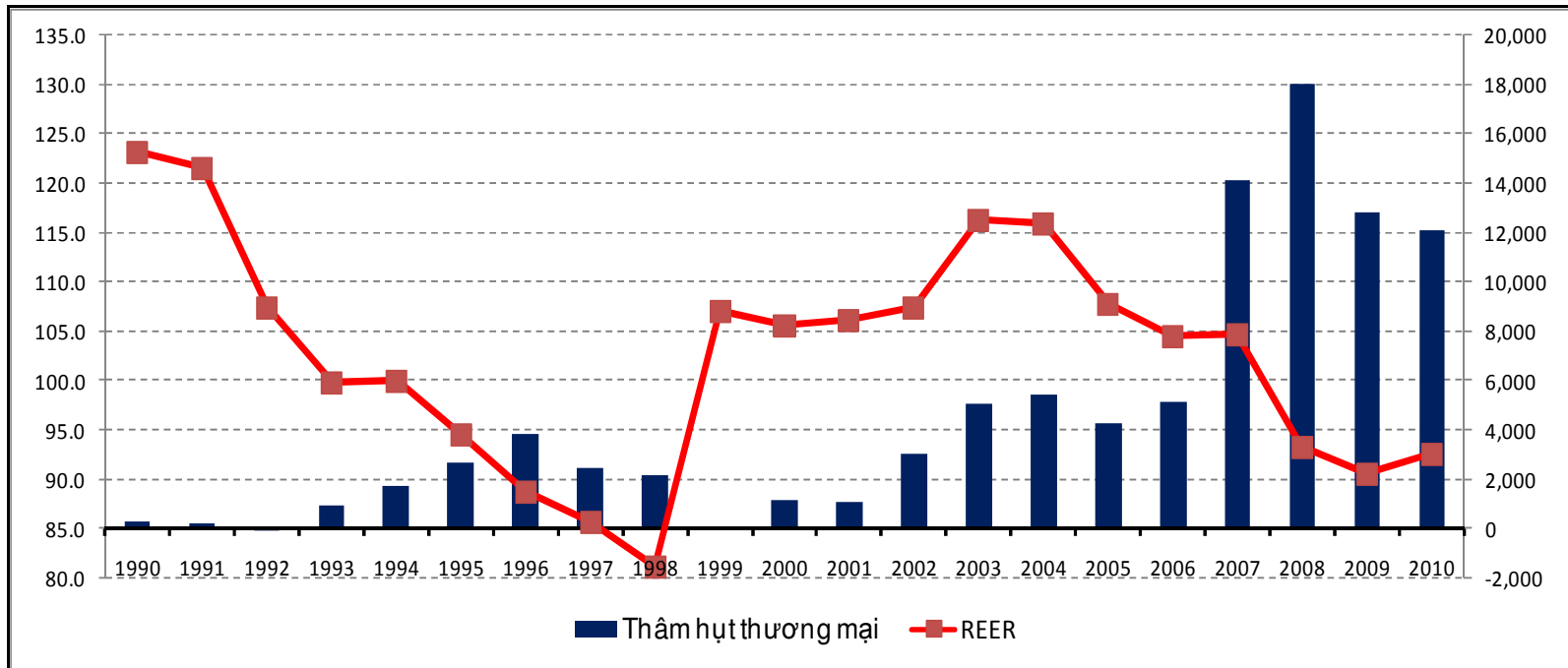
- NK: 2006: 44,9 tỷ USD; 2011: 106,7 tỷ USD (trung bình: 18,9%/năm); so với GDP: 87,1% vào năm 2011;
 - NK tăng nhanh ngay sau khi gia nhập WTO, song đã tăng chậm lại trong thời gian gần đây (do khó khăn trong nước + tăng năng lực kiểm soát nhập khẩu). Các nhân tố khác: tỷ giá danh nghĩa + FDI.
 - NK khá tập trung từ một số thị trường chính (khoảng 72-77%, do mức độ hỗ trợ tốt hơn). NK từ TQ tăng nhanh nhất, và TQ hiện chiếm tỷ trọng lớn nhất trong NK của VN.
 - Hàng trung gian chiếm tỷ trọng lớn nhất, dù có giảm (2006: 62,4%; 2011: 58,7%). Tỷ trọng hàng hóa vốn và hàng tiêu dùng có tăng trở lại



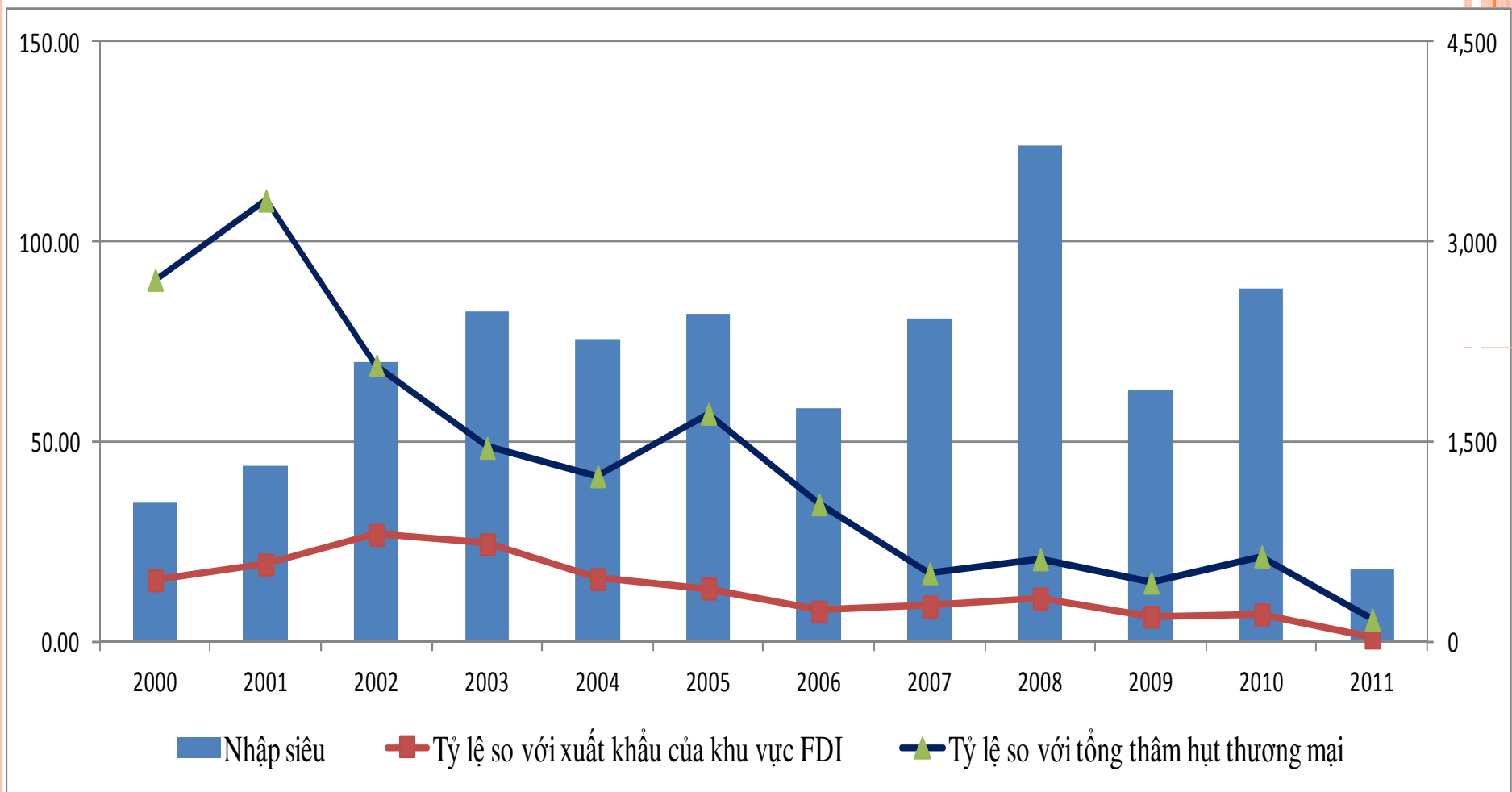
- Nhập siêu: liên tục tăng cho đến năm 2008, sau đó giảm dần (chủ yếu do suy giảm kinh tế trong nước).
- Dù nhập siêu, năng lực sản xuất XK ít tăng trong 2007-2008, mà chỉ tăng trong những năm gần đây.
- Diễn biến tăng nhập siêu, đặc biệt là từ 2007, đi liền với sự mất cân đối nghiêm trọng giữa đầu tư và tiết kiệm trong nước, cách thức điều hành CS vĩ mô (tài khóa, tiền tệ, tỷ giá), CS đầu tư và thương mại.



Tỷ giá REER và thâm hụt thương mại của nước ta, 1990-2010



Nhập siêu của khu vực FDI (không tính dầu thô)



Tình hình thương mại trong nước

- TMBLHH&DTDVTD liên tục tăng (kể cả khi loại trừ tăng giá).
 - Không loại trừ tăng giá: mức tăng không thay đổi đáng kể sau khi gia nhập WTO, dù cao hơn so với lạm phát.
 - Sau loại trừ tăng giá: trung bình 12,8%/năm trong 2008-2011;
 - Thương mại trong nước tăng ngay cả trong năm 2009 → điểm tựa giúp duy trì và phục hồi sản xuất.
 - Cơ cấu ít thay đổi: phần lớn do khu vực ngoài nhà nước; theo ngành: tập trung ở ngành thương nghiệp (77-79,4%).
 - Tuy nhiên, mức độ hấp dẫn của thị trường bán lẻ trong nước đang giảm dần trong những năm gần đây (do tăng trưởng kinh tế chậm + khó khăn trong việc mở rộng quy mô bán lẻ)

Bài học

- Duy trì môi trường đầu tư - KD thông thoáng, hiệu quả và chi phí thấp là một trong những điều kiện quan trọng để thúc đẩy hoạt động thương mại. Sự tham gia của DN nước ngoài đã góp phần tạo dựng một thị trường cạnh tranh trong XNK và thương mại trong nước.
- Hiệu quả từ thương mại sẽ tăng trong dài hạn nếu phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ phù hợp tạo nền tảng cho tập trung phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm và/hoặc hướng XK.
- Đổi mới chính sách thương mại là hết sức cần thiết cho phù hợp với tình hình, song cần bảo đảm tính minh bạch và dễ tiên liệu, đồng thời tiếp tục khắc phục những tồn tại trong xây dựng và thực thi chính sách thương mại.



- Thương mại không còn là lĩnh vực thuần túy kinh tế, mà đã chịu ảnh hưởng nhiều hơn của các yếu tố địa chính trị. Chính ở đây, quan hệ quốc gia, đối tác cần được nhận diện đầy đủ hơn.
- Hoạt động XNK phải gắn liền với hoạt động thương mại trong nước, thông qua việc tổ chức lại các DN và thị trường trong các lĩnh vực liên kết dịch vụ giữa XNK và thương mại trong nước.
- Việc nhìn nhận tác động của các hiệp định thương mại quốc tế cần một cái nhìn đa chiều, trong một khoảng thời gian đủ lớn để thấy năng lực điều hành thay đổi như thế nào.



Bối cảnh và định hướng chính sách

Bối cảnh và triển vọng

- Kinh tế thế giới dự báo phục hồi (yếu), còn rất bất định. Tăng trưởng kinh tế và XNK chủ yếu ở các nước đang phát triển (nhất là ở châu Á). Giá các mặt hàng còn duy trì ở mức cao, tuy có thể giảm trong các năm sau.
- Triển vọng KTVN còn nhiều khó khăn. Tăng trưởng tương đối thấp ít nhất cho đến năm 2013. XNK vẫn tiếp tục tăng trưởng, gắn với tái cơ cấu kinh tế, tiếp tục thực hiện và đàm phán FTA. ODA kém ưu đãi hơn.
- HNKTQT (kể cả các FTA) có thể có cả tác động tích cực và tiêu cực, nhưng về tổng thể tác động ròng đối với Việt Nam là tích cực. Kết hợp với cải cách trong nước sẽ mang lại lợi ích lớn hơn. Cần lưu ý rủi ro tài chính và bất ổn kinh tế vĩ mô.



Nguyên tắc

- CS thương mại phải hài hòa và thống nhất với các CS khác;
- Đổi mới phạm vi và nội hàm của chính sách thương mại (thị trường, ngành hàng, chuỗi giá trị);
- Tăng năng lực thể chế để thiết kế và thực hiện các biện pháp bảo hộ cần thiết một cách hợp pháp, tinh tế, và khoa học trong phạm vi các cam kết;
- Lấy người tiêu dùng làm trung tâm và củng cố niềm tin người tiêu dùng;
- Xét lại cơ cấu thuế XNK đối với các mặt hàng đầu vào – đầu ra (tư duy liên ngành);
- Thành lập liên minh ngành hàng chiến lược.



Các định hướng chính sách đối với XNK

- Hoàn thiện cơ chế quản lý xuất nhập khẩu;
 - Tăng GTGT của hàng XK, hạn chế xuất thô;
 - Thúc đẩy hình thành mối liên kết giữa người sản xuất nguyên liệu với doanh nghiệp xuất khẩu, phát triển cơ sở bảo quản chế biến;
 - Đảm bảo sản xuất và tiêu thụ ổn định các mặt hàng nông sản, thủy sản chính;
 - Nâng cao năng lực dự báo cung cầu và giá cả trên thị trường thế giới;
 - Tăng cường hợp tác với các đối tác xuất khẩu lớn;
 - Tạo thuận lợi hóa thương mại



Các định hướng chính sách đối với XNK (tiếp)

- Thực hiện chính sách đầu tư hiệu quả, hợp lý nhằm phát triển xuất khẩu, kiểm chế nhập khẩu;
- CS tỷ giá giúp duy trì khả năng cạnh tranh của hàng hóa VN trên thị trường quốc tế (song phải góp phần ổn định KTVM);
- Định hướng và quản lý NK.



Các định hướng chính sách đối với thương mại trong nước

- Củng cố niềm tin tiêu dùng của hộ gia đình và cá nhân (ổn định KTVM + quản lý chất lượng hàng hóa).
- Tái cơ cấu các thị trường bán lẻ trong nước, đặc biệt là trong các ngành có DNNN tham gia, nhằm thiết lập thị trường cạnh tranh, hiệu quả hơn.
- Nhanh chóng hoàn thiện quy hoạch phát triển hệ thống phân phối trong nước.



Các định hướng chính sách đối với thương mại trong nước (tiếp)

- Hỗ trợ các thành phần kinh tế trong nước phát triển hệ thống phân phối, thúc đẩy hình thành những DN phân phối lớn của nước ta với các cơ sở kinh doanh hiện đại, có khả năng cạnh tranh và dẫn dắt thị trường.
- Khuyến khích hình thành những DN là đồng sở hữu giữa người nông dân sản xuất nguyên liệu, cơ sở chế biến, và nhà phân phối.
- Quan tâm phát triển thị trường nông thôn.
- Phát triển thương mại điện tử và dịch vụ logistics.



CẢM ƠN!

